

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả kỳ tuyển dụng
công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT- BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Kế hoạch số 80/KH-UBND ngày 14/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022; Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về việc thay đổi thành viên Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng công chức năm 2022 tại Tờ trình số 41/TTr-HĐTD ngày 24/02/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022 (Có Danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022 thông báo công khai trên trang thông tin điện tử Sở Nội vụ, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển đến các thí sinh trúng tuyển theo quy định.

Giao Sở Nội vụ tham mưu thực hiện các quy trình, thủ tục tuyển dụng đối với những trường hợp trúng tuyển theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Hội đồng tuyển dụng công chức tỉnh Đắk Lắk năm 2022, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận: *Tư*

- Như điều 3;
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- TT Công nghệ & Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (ĐH.08b)



CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Nghị

KẾT QUẢ KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số **329**/QĐ-UBND ngày **27** tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Y Hoàng Anh	Ayun	CV019	24/11/1994		Ê đê	Chuyên trách giúp HĐND huyện	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	53,5	5,0	58,5	Không trúng tuyển	
2	Kpá Y	Briú	CV025	17/3/1993		Ê đê	Chuyên trách giúp HĐND huyện	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	DTTS	39/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển	
3	Phan Thị Ánh	Thi	CV321		23/11/1992	Kinh	Chuyên trách giúp HĐND huyện	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		35/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,5		50,5	Không trúng tuyển	
4	Y Niáng	Cũ	CV030	07/7/1990		Mnông	Hành chính tổng hợp	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	DTTS	46/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển	
5	Trịnh Xuân	Tùng	CV297	10/02/1982		Kinh	Hành chính tổng hợp	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin	HTNV	44/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	61,5	2,5	64,0	Trúng tuyển	
6	Nguyễn Thị Thủy	Trang	CV347		10/6/1999	Kinh	Hành chính tổng hợp	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		38/60	21/30	Đạt	HCCV	55,0		55,0	Không trúng tuyển	
7	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	CV159		15/2/1999	Kinh	Hành chính Tổng hợp	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn		40/60	25/30	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển	
8	Nguyễn Văn	Thắng	CV313	09/3/1979		Kinh	Hành chính tổng hợp	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn	CTB	37/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển	
9	Đoàn Đức	Khánh	CV140	08/9/1997		Kinh	Tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư.	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn		57/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0		55,0	Trúng tuyển	
10	Đỗ Đăng	Thủy	CV333	04/5/1986		Kinh	Tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý đơn thư	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Buôn Đôn		34/60	24/30	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển	
11	Y Nguyệt	Miô	CV184	26/11/1984		Ê Đê	Hành chính một cửa	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ	DTTS	40/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển	
12	Nguyễn Thị Kim	Phương	CV252		25/11/1997	Kinh	Hành chính một cửa	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		33/60	19/30	Đạt	HCCV	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
13	Tô Văn	Tùng	CV296	22/5/1988		Kinh	Hành chính một cửa	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		35/60	26/30	Đạt	HCCV	59,5		59,5	Trúng tuyển	
14	Phạm Vĩnh An	Trâm	CV350		15/10/1992	Kinh	Hành chính một cửa	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		38/60	26/30	Đạt	HCCV	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển	
15	Đoàn Hải	Nam	CV190	12/11/1999		Kinh	Thực hiện công tác tuyển truyền	Luật	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh		38/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển	

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
16	Nguyễn Thị Thu	Nga	CV216		02/3/1992	Kinh	Thực hiện công tác tuyển truyền	Luật	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh		33/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	51,0		51,0	Không trúng tuyển
17	Lê Thị Phương	Thảo	CV305		28/8/1995	Kinh	Thực hiện công tác tuyển truyền	Luật	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh		35/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển
18	Nguyễn Thành	Vĩnh	CV374	30/9/1999		Kinh	Thực hiện công tác tuyển truyền	Luật	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh		32/60	25/30	Đạt	HCCV	55,0		55,0	Trúng tuyển
19	Nguyễn Phúc	Nhật	CV231	22/4/1995		Kinh	Thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh		35/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển
20	Nguyễn Xuân	Sỹ	CV270	05/02/1986		Kinh	Thực hiện Kế hoạch, tổng hợp báo cáo	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Văn phòng Ban	Ban An toàn giao thông tỉnh	CTB	38/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển
21	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	CV086		29/9/1994	Kinh	Hành chính tổng hợp	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	Văn phòng Sở	Sở Tài chính		33/60	16/30	Đạt	HCCV	10,0		10,0	Không trúng tuyển
22	Văn Minh	Tuấn	CV295	09/11/1989		Kinh	Hành chính tổng hợp	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán	Văn phòng Sở	Sở Tài chính		36/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	25,0		25,0	Không trúng tuyển
23	H Plun	Byã	CV027		07/01/1996	Ê đê	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk	DTTS	39/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	54,0	5,0	59,0	Không trúng tuyển
24	Lê Thị Mỹ	Duyên	CV052		29/9/1997	Kinh	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk		34/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	32,0		32,0	Không trúng tuyển
25	H Roa	Niê	CV205		15/6/1995	Ê đê	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk	DTTS	47/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	91,0	5,0	96,0	Trúng tuyển
26	Lê Nguyễn Thị Hồng	Vân	CV365		20/11/1998	Kinh	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk		40/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	29,0		29,0	Không trúng tuyển
27	Đặng Thị Lê	Vy	CV381		20/02/1998	Kinh	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk		49/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	70,0		70,0	Trúng tuyển
28	Trương Thị	Thlin	CV325		16/01/1988	Kinh	Lễ tân đối ngoại	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk		39/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	51,0		51,0	Trúng tuyển
29	Trương Công	Trường	CV360	12/3/1998		Kinh	Tiếp công dân	Luật Kinh tế	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện M'Drăk		44/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Trúng tuyển
30	Đoàn Thị Khánh	An	CV003		10/9/1999	Kinh	Chuyên viên	Quản trị văn phòng; Luật; Quản sự cơ sở; Quản lý văn hoá;	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh		33/60	20/30	Đạt	HCCV	24,0		24,0	Không trúng tuyển
31	Nguyễn Thị Vinh	Linh	CV160		30/9/1999	Kinh	Chuyên viên	Quản trị văn phòng; Luật; Quản sự cơ sở; Quản lý văn hoá;	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh		41/60	23/30	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	Kiến thức chung		Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
32	Trần Ngọc Sơn	CV267	22/12/1993		Kinh	Chuyên viên	Quản trị văn phòng; Luật; Quản sự cơ sở; Quản lý văn hoá;	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	SQQĐ	31/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	60,0	5,0	65,0	Trúng tuyển
33	Bùi Thị Thanh Thảo	CV304		21/7/1998	Kinh	Chuyên viên	Quản trị văn phòng; Luật; Quản sự cơ sở; Quản lý văn hoá;	Phòng Công tác Hội đồng nhân dân	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh		30/60	23/30	Đạt	HCCV	40,0		40,0	Không trúng tuyển
34	Nguyễn Đức Huy	CV116	14/06/1995		Kinh	Chuyên viên	Công nghệ thông tin;	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh		41/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	75,0		75,0	Trúng tuyển
35	Trần Thị Ba Lê	CV151		21/6/1981	Kinh	Chuyên viên	Công nghệ thông tin;	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh		31/60	18/30	Đạt	HCCV	25,0		25,0	Không trúng tuyển
36	H' Silu Ayun	CV018		28/10/1998	Ê Đê	Chuyên viên (người DTTS)	Báo chí và truyền thông; Sư phạm Ngữ văn	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	DTTS	31/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	34,0	5,0	39,0	Không trúng tuyển
37	Hoàng Thị Na	CV188		02/6/1993	Tây	Chuyên viên (người DTTS)	Báo chí và truyền thông; Sư phạm Ngữ văn	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	DTTS	40/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	51,0	5,0	56,0	Không trúng tuyển
38	Dương Thị Nguyễn Ngọc	CV224		04/02/1990	Tây	Chuyên viên (người DTTS)	Báo chí và truyền thông; Sư phạm Ngữ văn	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	DTTS	35/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	39,0	5,0	44,0	Không trúng tuyển
39	Mô Lô Đàm San	CV263	28/10/1980		Ê Đê	Chuyên viên (người DTTS)	Báo chí và truyền thông; Sư phạm Ngữ văn	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	65,0	5,0	70,0	Trúng tuyển
40	Vý Thị Xoa	CV384		22/5/1986	Nùng	Chuyên viên (người DTTS)	Báo chí và truyền thông; Sư phạm Ngữ văn	Phòng Thông tin và Dân nguyện	Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	39,0	5,0	44,0	Không trúng tuyển
41	Nguyễn Hoàng	CV105	15/10/1990		Kinh	Hành chính tổng hợp	Luật	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Cư M'Gar		30/60	17/30	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Trúng tuyển
42	H Rin Adông	CV001		17/01/1988	Ê đê	Hành chính tổng hợp	Quản lý công	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea H'leo	CTB, DTTS	44/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0	5,0	60,0	Không trúng tuyển
43	Nguyễn Văn Vi	CV371	12/01/1994		Kinh	Hành chính tổng hợp	Quản lý công	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea H'leo	CTB	48/60	18/30	Đạt	HCCV	65,0	5,0	70,0	Trúng tuyển
44	Nguyễn Anh Tuấn	CV291	30/5/1991		Kinh	Hành chính tổng hợp	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		40/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0		50,0	Trúng tuyển
45	Cao Văn Thống	CV330	06/7/1992		Kinh	Hành chính tổng hợp	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		38/60	21/30	Đạt	HCCV	30,0		30,0	Không trúng tuyển
46	Trần Văn Tiến	CV280	05/6/1989		Kinh	Hành chính tổng hợp	Quản lý Tài nguyên rừng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		48/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	51,0		51,0	Trúng tuyển
47	Bế Thị Huệ	CS001		12/10/1991	Nùng	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng - Lưu trữ	Văn phòng Sở	Sở Y tế	DTTS	52/60	Miễn thi	Đạt	HCTC	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
48	Nguyễn Thị Thanh Phương	CS004		04/5/1989	Kinh	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng - Lưu trữ	Văn phòng Sở	Sở Y tế		45/60	15/30	Đạt	HCTC	45,0		45,0	Không trúng tuyển
49	Y Thơ	CS007	17/01/1992		Ê Đê	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng - Lưu trữ	Văn phòng Sở	Sở Y tế	DTTS	34/60	Miễn thi	Đạt	HCTC	45,0	5,0	50,0	Không trúng tuyển
50	Lê Thị Thu Hằng	VT002		21/5/1989	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư lưu trữ	Phòng Tổng hợp, Quy hoạch - Hành chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư		37/60	Miễn thi	Đạt	VTTC	53,5		53,5	Trúng tuyển
51	Hồ Sỹ Hải	VT001	22/4/1996		Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư hành chính; Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Sở	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội		45/60	23/30	Đạt	VTTC	70,0		70,0	Trúng tuyển
52	Ka Lê Mỹ	VT008		29/11/1993	Ê Đê	Văn thư viên trung cấp	Văn thư hành chính; Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng Sở	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	DTTS	45/60	Miễn thi	Đạt	VTTC	52,5	5,0	57,5	Không trúng tuyển
53	Nguyễn Thị Thu Hương	VT003		24/07/1992	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư lưu trữ; Văn thư hành chính	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		35/60	21/30	Đạt	VTTC	50,5		50,5	Không trúng tuyển
54	Trần Thị Lan	VT004		17/07/1982	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư lưu trữ; Văn thư hành chính	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		31/60	15/30	Đạt	VTTC	55,0		55,0	Trúng tuyển
55	Vũ Thị Nga	VT006		15/01/1994	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư - Lưu trữ	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Ana		44/60	Miễn thi	Đạt	VTTC	60,0		60,0	Trúng tuyển
56	Nguyễn Thị Luật	VT005		08/01/1992	Kinh	Văn thư viên trung cấp	Văn thư hành chính; văn thư - lưu trữ; lưu trữ, lưu trữ và quản lý thông tin	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Năng		45/60	Miễn thi	Đạt	VTTC	51,0		51,0	Trúng tuyển
57	Cung Đình Nguyễn	CV226	08/3/1986		Nùng	Quản lý thể dục thể thao	Giáo dục thể chất	Phòng Văn hóa - Thông tin	UBND thị xã Buôn Hồ	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	TDIT	65,5	5,0	70,5	Trúng tuyển
58	Nguyễn Đăng Thào Vy	CV382		19/8/1994	Kinh	Quản lý vệ trồng trọt	Khoa học cây trồng	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Ea Súp		40/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (2)	58,0		58,0	Trúng tuyển
59	Mai Ro Đàm Tài	CV272	11/4/1989		H're	Quản lý vệ trồng trọt	Khoa học trồng trọt	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Krông Ana	DTTS	41/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (2)	66,5	5,0	71,5	Trúng tuyển
60	Lê Trần Hiệp	CV341		16/10/1997	Kinh	Quản lý vệ nông nghiệp	Nông nghiệp	Phòng Kinh tế	UBND thị xã Buôn Hồ		37/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (2)	71,0		71,0	Trúng tuyển
61	H Hương	CV132		08/4/1995	Ê đê	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	Hành chính học	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea Kar	DTTS	31/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển
62	Y Jok	CV210	18/6/1987		Ê đê	Tiếp nhận và xử lý đơn thư	Hành chính học	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Ea Kar	DTTS	35/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
63	Y Thu	CV186	05/9/1989		Ê đê	Hành chính tổng hợp - Chuyên viên kinh tế	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Năng	DTTS	38/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
64	Lê Thanh Phòng	CV244	03/9/1995		Kinh	Hành chính tổng hợp - Chuyên viên kinh tế	Quản trị kinh doanh	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Năng		42/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	61,0		61,0	Trúng tuyển
65	Nguyễn Thị Oanh	CV238		10/10/1990	Kinh	Hành chính tổng hợp	Kế toán	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Pắc		33/60	20/30	Đạt	HCCV	55,0		55,0	Trúng tuyển
66	Trần Quang Quyền	CV258	20/8/1995		Kinh	Hành chính văn phòng	Luật kinh tế	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Pắc	HTNV	37/60	Miễn thi	Đạt	HCCV	52,0	2,5	54,5	Trúng tuyển
67	Ngô Hoài Nam	CS002	10/8/1992		Kinh	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		35/60	Miễn thi	Đạt	HCTC	50,0		50,0	Không trúng tuyển
68	Nông Thị Mai	CS005		10/3/1993	Nùng	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk	DTTS	36/60	Miễn thi	Đạt	HCTC	Bỏ thi	5,0	Bỏ thi	Không trúng tuyển
69	Trần Thị Khánh Hòa	CS006		02/6/1992	Kinh	Quản trị công sở	Quản trị văn phòng	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Búk		40/60	Miễn thi	Đạt	HCTC	55,0		55,0	Trúng tuyển
70	Lê Đức Phước	CV247	14/06/1988		Kinh	Quản lý đề điều và phòng chống lụt bão	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật tài nguyên nước;	Chi cục Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		33/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (1)	55,0		55,0	Trúng tuyển
71	Nguyễn Chi Linh	CV157	19/3/1982		Kinh	Quản lý thủy lợi	Kỹ thuật Công trình Xây dựng	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Krông Năng		42/60	24/30	Đạt	NNNT (1)	51,0		51,0	Trúng tuyển
72	Phan Vương Lâm	CV148	16/3/1996		Kinh	Quản lý thủy lợi (hồ đập, phòng chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai)	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật tài nguyên nước	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		38/60	25/30	Đạt	NNNT (1)	50,0		50,0	Trúng tuyển
73	Nguyễn Thị Thúy Nga	CV217		08/3/1990	Kinh	Quản lý về thủy lợi	Kinh tế nông nghiệp	Phòng Kinh tế	UBND thị xã Buôn Hồ		34/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (1)	65,0		65,0	Trúng tuyển
74	Huỳnh Quyết Thắng	CV312	22/9/1987		Kinh	Quản lý về an toàn nông sản, lâm sản, thủy sản	Công nghệ thực phẩm	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cư M'Gar		47/60	17/30	Đạt	NNNT (3)	70,0		70,0	Trúng tuyển
75	Phi Ngọc Dũng	CV049	31/12/1989		Kinh	Quản lý về lâm nghiệp	Quản lý đất đai	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện M'Drắk		43/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (4)	55,0		55,0	Trúng tuyển
76	Lê Thị Thúy Việt	CV372		10/10/1989	Kinh	Quản lý về Thủy sản	Nuôi trồng thủy sản	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện M'Drắk		54/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (5)	60,0		60,0	Trúng tuyển
77	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	CV017		24/6/1991	Kinh	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện M'Drắk		52/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (6)	90,0		90,0	Trúng tuyển
78	Y - Ka Ly Bya	CV028	05/4/1998		Ê đê	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Kinh tế nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Krông Bông	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (6)	88,0	5,0	93,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
79	H Chin Buôn Đáp	CV060		20/9/1997	M'Nông	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Kinh tế nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Krông Bông	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (6)	90,0	5,0	95,0	Trúng tuyển
80	Lưu Minh Tuấn	CV290	21/11/1986		Tày	Theo dõi xây dựng nông thôn mới	Kinh tế nông nghiệp	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Krông Bông	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	NNNT (6)	54,0	5,0	59,0	Không trúng tuyển
81	Đỗ Tiến Đạt	CV061	14/01/1988		Kinh	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Văn phòng Sở	Sở Tài nguyên và Môi trường		44/60	Miễn thi	Đạt	CNTT	80,0		80,0	Trúng tuyển
82	Y Nhiên Ktla	CV137	04/02/1990		Ê đê	Quản lý thông tin truyền thông	Công nghệ thông tin	Phòng Văn hóa - Thông tin	UBND huyện Cư M'Gar	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	CNTT	55,5	5,0	60,5	Trúng tuyển
83	Nguyễn Văn Quyết	CV259	11/9/1987		Kinh	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin, Tin học	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Năng		42/60	Miễn thi	Đạt	CNTT	60,0		60,0	Trúng tuyển
84	Nông Xuân Trường	CV359	08/8/1989		Tày	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin, Tin học	Văn phòng HĐND và UBND huyện	UBND huyện Krông Năng	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	CNTT	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
85	Lê Nguyễn Diệu My	CV187		07/4/1999	Kinh	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Kinh tế xây dựng	Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải		41/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (1)	65,5		65,5	Trúng tuyển
86	Nông Thảo Phương	CV249		11/6/1992	Tày	Quản lý chất lượng công trình giao thông	Kinh tế xây dựng	Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông	Sở Giao thông vận tải	DTTS	51/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (1)	58,0	5,0	63,0	Không trúng tuyển
87	Trần Thanh Hải	CV077	30/12/1994		Kinh	Quản lý phương tiện và người lái	Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật ô tô	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		33/60	21/30	Đạt	GTVT (2)	50,5		50,5	Không trúng tuyển
88	Hoàng Tiến Nam	CV192	03/05/1987		Kinh	Quản lý phương tiện và người lái	Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật ô tô	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		33/60	17/30	Đạt	GTVT (2)	84,5		84,5	Trúng tuyển
89	Vũ Hữu Thịnh	CV328	12/10/1994		Kinh	Quản lý phương tiện và người lái	Công nghệ kỹ thuật ô tô; Kỹ thuật ô tô	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		39/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (2)	55,5		55,5	Không trúng tuyển
90	Ngô Thị Thúy An	CV004		11/01/1987	Kinh	Quản lý vận tải	Kinh tế vận tải	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		35/60	15/30	Đạt	GTVT (2)	50,5		50,5	Trúng tuyển
91	Nguyễn Bá Hiến	CV092	16/02/1988		Kinh	Quản lý giao thông vận tải	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Cư Kuin		37/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (2)	56,0		56,0	Trúng tuyển
92	Trần Văn Thắng	CV316	20/8/1993		Kinh	Quản lý giao thông vận tải	Quy hoạch và Thiết kế công trình giao thông	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Lắk		33/60	17/30	Đạt	GTVT (2)	85,5		85,5	Trúng tuyển
93	Nguyễn Văn Trung	CV356	17/5/1993		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng cầu đường	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Krông Búk		35/60	27/30	Đạt	XADU	59,5		59,5	Không trúng tuyển
94	Lý Minh Vương	CV378	05/5/1985		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng cầu đường	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Krông Búk	CTB	49/60	Miễn thi	Đạt	XADU	66,5	5,0	71,5	Trúng tuyển
95	Hoàng Trọng Nam	CV193	03/9/1994		Kinh	Quản lý xây dựng	Kỹ thuật công trình xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện M'Drăk		36/60	Miễn thi	Đạt	XADU	56,5		56,5	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương đương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)			(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
96	Huỳnh Thanh	Phát	CV240	28/12/1987		Kinh	Quản lý xây dựng	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	UBND huyện Buôn Đôn		32/60	Miễn thi	Đạt	XADU	54,5		54,5	Trúng tuyển
97	Nguyễn Thị	Huệ	CV110		14/01/1984	Kinh	Quản lý Nghiệp vụ được	Được, được học	Phòng Nghiệp vụ Y - Được	Sở Y tế		44/60	Miễn thi	Đạt	SYTE	84,0		84,0	Trúng tuyển
98	Đoàn Khánh	Ly	CV171		10/12/1997	Kinh	Quản lý Nghiệp vụ được	Được, được học	Phòng Nghiệp vụ Y - Được	Sở Y tế		32/60	16/30	Đạt	SYTE	30,0		30,0	Không trúng tuyển
99	Vũ Thủy Hà	Mi	CV180		28/10/1997	Kinh	Quản lý Nghiệp vụ được	Được, được học	Phòng Nghiệp vụ Y - Được	Sở Y tế		37/60	26/30	Đạt	SYTE	40,0		40,0	Không trúng tuyển
100	Bùi Thị Mai	Sương	CV268		14/01/1982	Mường	Quản lý Nghiệp vụ được	Được, được học	Phòng Nghiệp vụ Y - Được	Sở Y tế	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	SYTE	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
101	Hàn Văn Trường	Son	CV266	15/7/1997		Nùng	Quản lý thông tin - truyền thông	Công nghệ thông tin	Phòng Văn hóa - Thông tin	UBND huyện M'Drắk	DTTS	44/60	Miễn thi	Đạt	CNTT	60,0	5,0	65,0	Trúng tuyển
102	Nguyễn Lâm	Huỳnh	CV124	12/7/1991		Kinh	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Văn phòng UBND và UBND thị xã	UBND thị xã Buôn Hồ		49/60	26/30	Đạt	CNTT	71,0		71,0	Trúng tuyển
103	Nguyễn Hà	Long	CS003	12/04/1992		Kinh	Nhân viên kỹ thuật	Công nghệ thông tin	Văn phòng UBND và UBND huyện	UBND huyện Cư Kuin		39/60	Miễn thi	Đạt	CNCS	51,0		51,0	Trúng tuyển
104	Nguyễn Xuân	Chung	CV040	19/5/1994		Kinh	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải		38/60	21/30	Đạt	GTVT (1)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
105	Trương Ca	Khoa	CV144	01/01/1993		Kinh	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải		33/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (1)	40,0		40,0	Không trúng tuyển
106	Phan Tấn	Phát	CV242	14/8/1996		Kinh	Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông	Sở Giao thông vận tải		39/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (1)	51,0		51,0	Trúng tuyển
107	Vũ Tiến	Hải	CV079	07/03/1987		Kinh	Quản lý vận tải	Luật	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		34/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (2)	56,0		56,0	Trúng tuyển
108	Nguyễn Quốc	Hòa	CV100	06/04/1993		Kinh	Quản lý vận tải	Luật	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải	CTB	31/60	16/30	Đạt	GTVT (2)	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
109	Giang Vũ Cẩm	Nhung	CV234		13/05/2000	Kinh	Quản lý vận tải	Luật	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		37/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (2)	42,0		42,0	Không trúng tuyển
110	Phạm Thị Hà	Vi	CV370		26/10/1999	Kinh	Quản lý vận tải	Luật	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		32/60	17/30	Đạt	GTVT (2)	44,0		44,0	Không trúng tuyển
111	Đặng Phan Thị	Vy	CV380		20/05/1990	Kinh	Quản lý vận tải	Luật	Phòng Quản lý vận tải, phương tiện và người lái	Sở Giao thông vận tải		32/60	Miễn thi	Đạt	GTVT (2)	30,0		30,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thử chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
112	Bùi Trung Hiếu	CV094	18/10/1982		Kinh	Quản lý Quy hoạch - Kiến trúc	Kiến trúc sư	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	CTB	35/60	Miễn thi	Đạt	XADU	61,0	5,0	66,0	Trúng tuyển
113	Nguyễn Đức Anh	CV011	14/01/1993		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		33/60	Miễn thi	Đạt	XADU	30,0		30,0	Không trúng tuyển
114	Phạm Xuân Toàn	CV282	28/4/1994		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		38/60	Miễn thi	Đạt	XADU	25,0		25,0	Không trúng tuyển
115	Nguyễn Xuân Tuấn	CV293	11/7/1989		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		48/60	Miễn thi	Đạt	XADU	69,0		69,0	Trúng tuyển
116	Nguyễn Thanh Phương	CV251	13/10/1989		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		48/60	Miễn thi	Đạt	XADU	65,0		65,0	Trúng tuyển
117	Trà Minh Vũ	CV376	22/11/1993		Kinh	Quản lý xây dựng	Xây dựng	Phòng Quản lý đô thị	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		41/60	Miễn thi	Đạt	XADU	55,0		55,0	Không trúng tuyển
118	Hoàng Trường Nam	CV194	27/11/1996		Kinh	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Buôn Hồ		39/60	Miễn thi	Đạt	XADU	71,0		71,0	Trúng tuyển
119	Phan Phúc Toàn	CV283	01/5/1991		Kinh	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Buôn Hồ		32/60	18/30	Đạt	XADU	30,0		30,0	Không trúng tuyển
120	Trần Quốc Thịnh	CV327	10/7/1994		Kinh	Quản lý hạ tầng và phát triển đô thị	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Phòng Quản lý đô thị	UBND thị xã Buôn Hồ		47/60	Miễn thi	Đạt	XADU	30,0		30,0	Không trúng tuyển
121	Lương Đức Chính	KL003	22/08/1991		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt Kiểm lâm Ea H'leo - Krông Búk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		37/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	65,0		65,0	Trúng tuyển
122	Nguyễn Huyền Sim	KL031		01/04/1988	Tày	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt Kiểm lâm Ea H'leo - Krông Búk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	50,5	5,0	55,5	Không trúng tuyển
123	Trần Quốc Đông	KL006	03/08/1990		Kinh	Kiểm lâm viên	Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự	Hạt Kiểm lâm Ea H'leo - Krông Búk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		34/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	56,0		56,0	Trúng tuyển
124	Mai Văn Dũng	KL007	21/08/1998		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		41/60	19/30	Đạt	KLVI	65,0		65,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
125	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	KL008		22/01/1996	Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		37/60	19/30	Đạt	KLVI	75,0		75,0	Trúng tuyển
126	Nguyễn Văn Long	KL016	03/04/1996		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		30/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	59,5		59,5	Không trúng tuyển
127	Y Thái Niê	KL025	24/04/1990		Ê đê	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	61,0	5,0	66,0	Trúng tuyển
128	Phạm Văn Phú	KL026	05/09/1993		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		32/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	51,0		51,0	Không trúng tuyển
129	Trần Đức Thao	KL034	15/04/1996		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		32/60	18/30	Đạt	KLVI	70,0		70,0	Trúng tuyển
130	Nguyễn Thọ Thương	KL036	03/11/1995		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		31/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	60,0		60,0	Trúng tuyển
131	Hoàng Văn Quý	KL028	20/10/1983		Kinh	Kiểm Lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 3, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		37/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	55,0		55,0	Trúng tuyển
132	Phạm Trí Minh	KL018	09/02/1993		Kinh	Kiểm lâm viên	Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự	Phòng Thanh tra pháp chế, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		35/60	22/30	Đạt	KLVI	55,0		55,0	Không trúng tuyển
133	Nguyễn Hoàng Việt	KL040	06/11/1998		Kinh	Kiểm lâm viên	Luật, Luật hiến pháp và luật hành chính, Luật dân sự và tố tụng dân sự, Luật hình sự và tố tụng hình sự	Phòng Thanh tra pháp chế, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		48/60	28/30	Đạt	KLVI	71,0		71,0	Trúng tuyển
134	Trần Hữu Lượng	KC012	08/07/1987		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt Kiểm lâm Ea H'leo - Krông Búk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		35/60	20/30	Đạt	KLTC	55,0		55,0	Trúng tuyển
135	Ha Lón Ha Ben	KC002	19/09/1991		Raglai	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	Kiến thức chung		Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
136	Trần Minh Quý	KC016	21/05/1993		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt Kiểm lâm huyện Ea Súp, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		32/60	17/30	Đạt	KLTC	50,5			50,5	Trúng tuyển
137	Lê Ngọc Ánh	KC001	23/08/1985		Kinh	Kiểm lâm viên Trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt Kiểm lâm huyện M'Drắk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		36/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0			50,0	Không trúng tuyển
138	Trương Thế Duyệt	KC007	02/10/1993		Kinh	Kiểm lâm viên Trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt Kiểm lâm huyện M'Drắk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		41/60	16/30	Đạt	KLTC	54,0			54,0	Trúng tuyển
139	Nguyễn Bằng	KC014	03/05/1985		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Đội Kiểm lâm cơ động và Phòng cháy chữa cháy rừng số 2, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		35/60	17/30	Đạt	KLTC	51,0			51,0	Trúng tuyển
140	Phạm Thanh Nghĩa	CV223	11/8/1987		Kinh	Quản lý Khoa học và Công nghệ	Nuôi trồng thủy sản	Phòng Kinh tế	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		41/60	Miễn thi	Đạt	KHCN	60,0			60,0	Trúng tuyển
141	Nguyễn Việt Bảo	KL002	01/05/1994		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		38/60	21/30	Đạt	KLVI	80,5			80,5	Trúng tuyển
142	Phùng Thái Hà	KL010	12/01/1993		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		33/60	17/30	Đạt	KLVI	Bỏ thi		Bỏ thi		Không trúng tuyển
143	Đỗ Xuân Lam	KL014	27/08/1993		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		31/60	19/30	Đạt	KLVI	30,0			30,0	Không trúng tuyển
144	Võ Văn Lý	KL017	05/05/1993		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		34/60	15/30	Đạt	KLVI	60,0			60,0	Trúng tuyển
145	Lăng Thị Nga	KL020		03/06/1990	Nùng	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	55,0	5,0		60,0	Trúng tuyển
146	Đào Duy Ngọc	KL021	02/01/1995		M'Nông	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	30,0	5,0		35,0	Không trúng tuyển
147	Lý Văn Sánh	KL030	03/01/1996		Nùng	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	30,0	5,0		35,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương đương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
148	Lê Văn Triết	KL038	21/03/1995		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm huyện Lắc, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		41/60	17/30	Đạt	KLVI	50,0		50,0	Không trúng tuyển
149	H'Vân Niê	KL022		07/11/1993	Ê đê	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt Kiểm lâm huyện M'Drăk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	41/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển
150	Vây Quốc Cường	KL004	08/08/1992		Hoa	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt Kiểm lâm Krông Ana-Cư Kuin, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển
151	Y Luyêt Niê	KL023	10/01/1994		Ê đê	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt Kiểm lâm Krông Ana-Cư Kuin, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	40,0	5,0	45,0	Không trúng tuyển
152	Nguyễn Khánh	KL013	11/01/1991		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Hạt kiểm lâm Krông Năng - Buôn Hồ, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		37/60	23/30	Đạt	KLVI	59,0		59,0	Trúng tuyển
153	Vũ Đức Tài	KL032	27/08/1997		Kinh	Kiểm lâm viên	Lâm học, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng và môi trường;	Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		44/60	Miễn thi	Đạt	KLVI	50,0		50,0	Trúng tuyển
154	Phan Thanh Bình	KC003	02/02/1995		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		34/60	24/30	Đạt	KLTC	30,0		30,0	Không trúng tuyển
155	Phan Văn Định	KC005	09/09/1989		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		36/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,5		50,5	Trúng tuyển
156	Trần Như Học	KC009	13/03/1994		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		37/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0		50,0	Trúng tuyển
157	Y Tây Liêng	KC011	10/12/1990		M'Nông	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Krông Bông, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	36/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển
158	Nguyễn Văn Độ	KC006	27/05/1989		Kinh	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Lắc, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		44/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0		50,0	Trúng tuyển
159	Y Cương Miô	KC013	01/11/1989		Ê đê	Kiểm lâm viên Trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp	Hạt kiểm lâm huyện Lắc, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	MA nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)		(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
160	Triệu Văn	Vinh	KC018	14/04/1997		Nùng	Kiểm lâm viên trung cấp	Lâm nghiệp, Lâm sinh, Quản lý tài nguyên rừng, Kiểm lâm; Nông lâm kết hợp		Hạt kiểm lâm huyện Lắk, Chi cục kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	40/60	Miễn thi	Đạt	KLTC	50,0	5,0	55,0	Trúng tuyển
161	Lê Tuấn	Anh	CV007	16/8/1994		Kinh	Giám sát đầu tư	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; kinh tế phát triển		Phòng Đầu thầu, thẩm định & Giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư		32/60	24/30	Đạt	KHĐT	45,0		45,0	Không trúng tuyển
162	Nguyễn Thị Kim	Hạnh	CV080		19/10/2000	Kinh	Giám sát đầu tư	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; kinh tế phát triển		Phòng Đầu thầu, thẩm định & Giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư		37/60	26/30	Đạt	KHĐT	65,0		65,0	Trúng tuyển
163	Nguyễn Thị Bích	Hiền	CV089		25/12/1991	Kinh	Giám sát đầu tư	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; kinh tế phát triển		Phòng Đầu thầu, thẩm định & Giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư		41/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	30,0		30,0	Không trúng tuyển
164	Đặng Thị	Thương	CV338		16/6/1987	Kinh	Giám sát đầu tư	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; kinh tế phát triển		Phòng Đầu thầu, thẩm định & Giám sát đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	CTB	32/60	19/30	Đạt	KHĐT	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
165	Lê Thị Thu	Hằng	CV084		01/8/1991	Kinh	Quản lý quy hoạch	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Khoa học xã hội và nhân văn		Phòng Tổng hợp, Quy hoạch - Hành chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư		33/60	20/30	Đạt	KHĐT	30,5		30,5	Không trúng tuyển
166	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CV087		01/10/1992	Kinh	Quản lý quy hoạch	Kinh tế; Kinh tế đầu tư; Khoa học xã hội và nhân văn		Phòng Tổng hợp, Quy hoạch - Hành chính	Sở Kế hoạch và Đầu tư		31/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	59,5		59,5	Trúng tuyển
167	Trương Đình	Hải	CV078	19/6/1987		Kinh	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp		Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		44/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	55,0		55,0	Trúng tuyển
168	Nguyễn Tất Hải	Ninh	CV215	29/9/1995		Kinh	Quản lý Kế hoạch - Tài chính	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp		Phòng Kế hoạch - Tài chính	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		30/60	16/30	Đạt	KHĐT	45,0		45,0	Không trúng tuyển
169	Triệu Thị Vân	Anh	CV014		05/4/1995	Nùng	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar	DTTS	35/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	29,5	5,0	34,5	Không trúng tuyển
170	Hoàng Lê	Hằng	CV082		07/6/1996	Kinh	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar		42/60	20/30	Đạt	TNMT (1)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
171	Nguyễn Tấn	Hoàng	CV106	21/02/1993		Kinh	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar		43/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	70,0		70,0	Trúng tuyển
172	Lê Ngọc	Loan	CV162		31/12/1989	Kinh	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar		44/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	55,0		55,0	Không trúng tuyển
173	Phạm Quang	Nghĩa	CV222	17/11/1988		Kinh	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar	CTB	34/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	40,0	5,0	45,0	Không trúng tuyển
174	Đàm Thị	Nhói	CV233		10/01/1995	Nùng	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar	DTTS	42/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	40,0	5,0	45,0	Không trúng tuyển
175	Nguyễn Bảo	Quốc	CV256	10/5/1985		Kinh	Quản lý môi trường, Quản lý đất đai	Công nghệ sinh học; Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Cư M'Gar		47/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
176	Phạm Thủy	Duyên	CV054		29/7/1991	Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai		Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Năng		33/60	16/30	Đạt	TNMT (1)	30,0		30,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương đương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
177	Võ Hồng Đăng	CV062	22/12/1994		Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Năng		34/60	17/30	Đạt	TNMT (1)	40,0		40,0	Không trùng tuyển
178	Dương Đức Luân	CV168	04/8/1983		Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Năng		42/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	36,5		36,5	Không trùng tuyển
179	Bùi Thị Thảo Trang	CV343		30/10/1993	Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Năng		35/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	55,0		55,0	Trùng tuyển
180	Nguyễn Thanh Trang	CV346	04/10/1987		Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Năng		34/60	22/30	Đạt	TNMT (1)	50,0		50,0	Không trùng tuyển
181	Nguyễn Minh Hiếu	CV096	20/12/1994		Kinh	Quản lý Kế hoạch - Đầu tư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng; Quản trị kinh doanh	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin		52/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	75,0		75,0	Trùng tuyển
182	Nguyễn Thị Thủy	CV336		22/3/1990	Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Quản trị kinh doanh; Kinh tế đầu tư; Tài chính - Ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Ea H'leo		51/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	50,0		50,0	Trùng tuyển
183	Nguyễn Văn Thuận	CV322	27/4/1991		Kinh	Quản lý Kế hoạch - Đầu tư	Kinh tế xây dựng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Búk		45/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	50,0		50,0	Trùng tuyển
184	Nguyễn Đăng Trường Giang	CV069	13/4/1990		Kinh	Quản lý Kế hoạch Đầu tư	Kỹ thuật xây dựng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Năng	CTB	47/60	25/30	Đạt	KHĐT	35,0	5,0	40,0	Không trùng tuyển
185	Phan Thành Long	CV164	02/11/1988		Kinh	Quản lý Kế hoạch - Đầu tư	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Xây dựng đường bộ	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc		42/60	26/30	Đạt	KHĐT	60,0		60,0	Trùng tuyển
186	Nguyễn Hữu Ý	CV386	20/02/1987		Kinh	Quản lý kế hoạch và đầu tư	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Lắk		41/60	20/30	Đạt	KHĐT	65,0		65,0	Trùng tuyển
187	Hoàng Thị Quỳnh Anh	CV006		10/10/1989	Kinh	Quản lý Kế hoạch - Đầu tư	Tài chính ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện M'Drăk		31/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	51,0		51,0	Trùng tuyển
188	H Him Niê	CV201		11/7/1993	Ê đê	Quản lý Kế hoạch - Đầu tư	Tài chính ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	DTTS	35/60	Miễn thi	Đạt	KHĐT	50,0	5,0	55,0	Trùng tuyển
189	Nguyễn Hà Ngọc Dũng	CV047	10/3/1995		Kinh	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Pắc		36/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	51,0		51,0	Trùng tuyển
190	Y Ngô Ktla	CV136	03/9/1992		Ê đê	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk	DTTS	47/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	86,0	5,0	91,0	Trùng tuyển
191	Trần Lý Bình Nguyên	CV228	11/02/1996		Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		33/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	76,0		76,0	Không trùng tuyển
192	Nguyễn Đăng Trọng	CV352	12/8/1984		Kinh	Quản lý đất đai	Quản lý đất đai	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		33/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	30,0		30,0	Không trùng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
193	Nguyễn Quốc Bảo	CV020	20/7/1987		Kinh	Quản lý môi trường	Khoa học môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		37/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	61,0		61,0	Trúng tuyển
194	Tô Ngọc Thắng	CV315	01/02/1996		Kinh	Quản lý môi trường	Khoa học môi trường	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND huyện Krông Búk		35/60	20/30	Đạt	TNMT (1)	51,0		51,0	Không trúng tuyển
195	Vũ Tiến Hùng	CV115	11/02/1978		Kinh	Quản lý Môi trường	Kinh tế nông lâm	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Buôn Ma Thuột	CTB	30/60	Miễn thi	Đạt	TNMT (1)	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển
196	Võ Thị Thu Thảo	CV309		27/12/1994	Kinh	Quản lý Môi trường	Kinh tế nông lâm	Phòng Tài nguyên và Môi trường	UBND thành phố Buôn Ma Thuột		39/60	16/30	Đạt	TNMT (1)	57,0		57,0	Không trúng tuyển
197	Vũ Đình Việt	CV373	08/10/1992		Kinh	Quản lý khai thác khoáng sản	Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật địa vật lý; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Kỹ thuật mỏ; Kỹ thuật thăm dò và khảo sát; Kỹ thuật truyền khoáng	Phòng Khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường		36/60	20/30	Đạt	TNMT (2)	60,0		60,0	Trúng tuyển
198	Hoàng Nhật Lê	CV152		12/01/1998	Nùng	Theo dõi công tác dân tộc	Luật	Phòng Dân tộc	UBND huyện Ea Súp	DTTS	36/60	Miễn thi	Đạt	DATO	86,0	5,0	91,0	Trúng tuyển
199	Y Khâm Ta Niê	CV211	09/4/1991		Gia rai	Theo dõi công tác dân tộc	Luật	Phòng Dân tộc	UBND huyện Ea Súp	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	DATO	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
200	Giảng Seo Quang	CV253	15/7/1995		H'Mông	Theo dõi công tác dân tộc	Luật	Phòng Dân tộc	UBND huyện Ea Súp	DTTS	37/60	Miễn thi	Đạt	DATO	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
201	Đỗ Phạm Ngọc Mai	CV174		15/01/1997	Kinh	Quản lý Tài chính	Kế toán	Phòng Kế hoạch tổng hợp	Sở Giao thông vận tải		41/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	56,0		56,0	Trúng tuyển
202	Huỳnh Anh Vũ	CV375	03/7/1991		Kinh	Quản lý Tài chính - ngân sách	Tài chính ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư Kuin		41/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	61,0		61,0	Trúng tuyển
203	Nguyễn Thị Bích Nhiên	CV232		20/11/1988	Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Cư M'Gar		44/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	61,0		61,0	Trúng tuyển
204	Nguyễn Thế Quân	CV254	22/01/1984		Kinh	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc	CTB	30/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
205	Hà Ngọc Sáng	CV265	28/8/1993		Kinh	Quản lý Tài chính - Ngân sách	Kế toán	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện Krông Pắc		48/60	21/30	Đạt	TCKT	55,5		55,5	Trúng tuyển
206	Trần Thị Thu	CV332		20/11/1992	Kinh	Quản lý Tài chính - ngân sách	Tài chính ngân hàng	Phòng Tài chính - Kế hoạch	UBND huyện M'Drắk		39/60	23/30	Đạt	TCKT	80,0		80,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
207	Lê Anh Dũng	KT004	26/12/1990		Kinh	Kế toán viên	Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	Phòng Dân tộc		UBND huyện Krông Búk		41/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	66,0		66,0	Trúng tuyển
208	Y Chương	KT006	01/01/1985		Ê đê	Kế toán viên	Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	Phòng Dân tộc		UBND huyện Krông Búk	DTTS	41/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
209	Nguyễn Thị Nhu Yển	KT017		17/02/1993	Kinh	Kế toán viên	Kế toán; Tài chính - Ngân hàng	Phòng Dân tộc		UBND huyện Krông Búk		46/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	60,0		60,0	Không trúng tuyển
210	Bùi Thị Thu Hiền	KT008		21/8/1993	Kinh	Kế toán viên	Kế toán	Phòng Nội vụ		UBND huyện Krông Búk		35/60	22/30	Đạt	TCKT	86,0		86,0	Trúng tuyển
211	Trương Thị Thanh Mai	KT014		14/7/1987	Kinh	Kế toán viên	Kế toán	Phòng Nội vụ		UBND huyện Krông Búk		50/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	61,0		61,0	Không trúng tuyển
212	Nguyễn Thị Thùy Dung	KT003		08/6/1994	Kinh	Kế toán viên	Kế toán	Phòng Tư pháp		UBND huyện Krông Búk		40/60	24/30	Đạt	TCKT	50,0		50,0	Không trúng tuyển
213	Lê Thu Hà	KT007		02/12/1992	Kinh	Kế toán viên	Kế toán	Phòng Tư pháp		UBND huyện Krông Búk		42/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	81,0		81,0	Trúng tuyển
214	Thái Thị Lương	KT013		18/01/1984	Kinh	Kế toán viên	Kế toán	Phòng Tư pháp		UBND huyện Krông Búk	CTB	33/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
215	Phạm Bá Tôn	CV286	06/9/1999		Kinh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Luật	Thanh tra		UBND huyện Cư Kuin		40/60	24/30	Đạt	THTR	65,0		65,0	Trúng tuyển
216	Hoàng Minh Thân	CV317	12/10/1992		Kinh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Luật	Thanh tra		UBND huyện Cư Kuin		38/60	Miễn thi	Đạt	THTR	50,0		50,0	Không trúng tuyển
217	Trần Thị Hồng Mến	CV179		05/8/1998	Kinh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Luật	Thanh tra		UBND huyện Cư Kuin		39/60	17/30	Đạt	THTR	50,0		50,0	Không trúng tuyển
218	Vũ Tuấn Phát	CV243	19/5/1995		Kinh	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	Kinh tế quốc tế	Thanh tra		UBND huyện M'Drắk		45/60	Miễn thi	Đạt	THTR	66,0		66,0	Trúng tuyển
219	Vũ Thị Trang	CV349		04/4/1989	Kinh	Thanh tra	Tài chính ngân hàng	Thanh tra		UBND huyện M'Drắk		46/60	Miễn thi	Đạt	THTR	56,0		56,0	Trúng tuyển
220	Trương Hoàng Hà	CV076	08/7/1992		Kinh	Thanh tra	Kinh tế xây dựng	Thanh tra		UBND thành phố Buôn Ma Thuột		38/60	20/30	Đạt	THTR	55,0		55,0	Trúng tuyển
221	Trần Đức Lâm	CV149	17/11/1996		Kinh	Quản lý công sản	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Quản lý Giá - Công sản		Sở Tài chính		30/60	18/30	Đạt	TCKT	55,5		55,5	Trúng tuyển
222	Nguyễn Ngọc Hội	CV107	18/12/1998		Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Quản lý ngân sách		Sở Tài chính		38/60	22/30	Đạt	TCKT	50,5		50,5	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
223	Miô Niê HTrần	CV109		30/12/1991	Ê Đê	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Quản lý ngân sách	Sở Tài chính	DTTS	45/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	40,0	5,0	45,0	Không trúng tuyển
224	Thái Thị Thùy Trang	CV348		27/7/1995	Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Quản lý ngân sách	Sở Tài chính		49/60	28/30	Đạt	TCKT	65,5		65,5	Trúng tuyển
225	Bùi Thanh Hằng	CV081		10/3/1987	Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Tài chính Đầu tư	Sở Tài chính		43/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	30,0		30,0	Không trúng tuyển
226	Bùi Minh Hiếu	CV093	26/12/1997		Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Tài chính Đầu tư	Sở Tài chính		31/60	26/30	Đạt	TCKT	30,0		30,0	Không trúng tuyển
227	Đoàn Thị Huyền Trang	CV344		26/02/1993	Kinh	Quản lý ngân sách	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Tài chính Đầu tư	Sở Tài chính	CTB	42/60	24/30	Đạt	TCKT	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
228	Huỳnh Ngọc Lê Minh	CV182	09/02/1991		Kinh	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính		40/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	65,0		65,0	Trúng tuyển
229	Hoàng Nguyễn Hải Nam	CV191		17/8/1995	Kinh	Quản lý tài chính hành chính sự nghiệp	Tài chính - Ngân hàng; Kế toán; Kiểm toán	Phòng Tài chính hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính		41/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	40,0		40,0	Không trúng tuyển
230	Trương Thị Minh Hiếu	KT009		21/8/1990	Kinh	Kế toán viên	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính-Ngân hàng	Hạt Kiểm lâm huyện Buôn Đôn, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		42/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	60,0		60,0	Trúng tuyển
231	H"Yầu A Yun	KT001		26/04/1989	Ê đê	Kế toán viên	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính-Ngân hàng	Hạt Kiểm lâm huyện Ea Kar, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	DTTS	36/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	55,0	5,0	60,0	Trúng tuyển
232	Trình Thị Cúc	KT002		01/11/1983	Kinh	Kế toán viên	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính-Ngân hàng	Hạt Kiểm lâm huyện M'Drăk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		32/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	50,5		50,5	Trúng tuyển
233	Nguyễn Thị Quỳnh Hoa	KT010		07/01/1982	Kinh	Kế toán viên	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính-Ngân hàng	Hạt Kiểm lâm huyện M'Drăk, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	CTB	30/60	Miễn thi	Đạt	TCKT	40,0	5,0	45,0	Không trúng tuyển
234	Lê Ngọc Dũng	CV046	09/9/1995		Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		32/60	15/30	Đạt	THTR	59,5		59,5	Không trúng tuyển
235	Trần Thu Hà	CV075		13/11/1995	Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		39/60	24/30	Đạt	THTR	50,0		50,0	Không trúng tuyển
236	Đỗ Văn Hương	CV125	15/10/1992		Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		30/60	Miễn thi	Đạt	THTR	30,0		30,0	Không trúng tuyển
237	Phạm Gia Khiêm	CV142	26/9/1997		Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		38/60	22/30	Đạt	THTR	30,0		30,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
238	Lê Hoàng Thanh Hiền	Niê	CV208		26/12/1999	Ê Đê	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	THTR	32,5	5,0	37,5	Không trùng tuyển
239	Lê Thị	Quyên	CV257		03/01/1989	Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		39/60	Miễn thi	Đạt	THTR	35,5		35,5	Không trùng tuyển
240	Phạm Ngọc Anh	Thị	CV320		22/9/1997	Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính		48/60	Miễn thi	Đạt	THTR	72,0		72,0	Trùng tuyển
241	Trần Thị Hồng	Vân	CV369		23/6/1991	Kinh	Thanh tra	Tài chính; Hành chính; Kế toán; Kiểm toán; Luật	Thanh tra Sở	Sở Tài chính	CTB	52/60	Miễn thi	Đạt	THTR	65,0	5,0	70,0	Không trùng tuyển
242	Đặng Khánh	Huyền	CV120		06/2/1998	Kinh	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp		51/60	28/30	Đạt	TUPH (1)	75,5		75,5	Trùng tuyển
243	Hoàng Thị Quỳnh	Na	CV189		30/04/1992	Kinh	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp		35/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	57,5		57,5	Không trùng tuyển
244	Triệu Nữ Thiên	Thanh	CV301		10/12/1999	Nùng	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	DTTS	38/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	40,5	5,0	45,5	Không trùng tuyển
245	Triệu Thị Thanh	Thảo	CV308		23/08/1998	Tày	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	55,0	5,0	60,0	Không trùng tuyển
246	Vì Huỳnh Anh	Thư	CV337		17/11/1998	Kinh	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp		42/60	25/30	Đạt	TUPH (1)	40,5		40,5	Không trùng tuyển
247	Phan Thảo	Vy	CV383		26/12/1993	Kinh	Quản lý hành chính tư pháp	Luật	Phòng Hành chính - Bỏ trợ tư pháp	Sở Tư pháp		50/60	20/30	Đạt	TUPH (1)	30,0		30,0	Không trùng tuyển
248	Trương Thị Mỹ	Huyền	CV123		05/9/1995	Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Cư M'Gar		33/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	55,5		55,5	Không trùng tuyển
249	Vũ Thị Diệu	Linh	CV161		23/5/1984	Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Cư M'Gar		42/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	75,0		75,0	Trùng tuyển
250	Lê Thị	Thị	CV319		20/11/1996	Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Cư M'Gar		41/60	26/30	Đạt	TUPH (1)	65,0		65,0	Không trùng tuyển
251	Phạm Thu	Huong	CV126		10/02/1999	Kinh	Kiểm tra, thẩm định văn bản	Luật	Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp		39/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (2)	30,0		30,0	Không trùng tuyển
252	Lê Thị Thủy	Linh	CV156		18/01/1997	Kinh	Kiểm tra, thẩm định văn bản	Luật	Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp		31/60	16/30	Đạt	TUPH (2)	50,5		50,5	Trùng tuyển
253	Đặng Thị Tú	Trinh	CV351		19/01/1996	Kinh	Kiểm tra, thẩm định văn bản	Luật	Phòng Xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật	Sở Tư pháp		37/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (2)	30,0		30,0	Không trùng tuyển
254	Trần	Chính	CV039	16/8/1984		Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật, Luật Kinh tế	Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea H'leo		34/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (4)	65,0		65,0	Không trùng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương đương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị	Kiến thức chung		Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
255	Lê Thị Mỹ Ngọc	CV225		10/01/1996	Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật, Luật Kinh tế	Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea H'leo		36/60	16/30	Đạt	TUPH (4)	85,0		85,0	Trúng tuyển
256	Nguyễn Huy Toàn	CV285	19/10/1997		Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật, Luật Kinh tế	Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea H'leo		35/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (4)	74,5		74,5	Không trúng tuyển
257	Bùi Quang Thế	CV318	25/4/1997		Kinh	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật, Luật Kinh tế	Phòng Tư pháp	UBND huyện Ea H'leo		36/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (4)	51,5		51,5	Không trúng tuyển
258	Đình Tiến Nghĩa	CV221	12/9/1987		Kinh	Về Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Năng		34/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (5)	51,5		51,5	Không trúng tuyển
259	Hoàng Thị Thu Thủy	CV334		22/12/1995	Kinh	Về Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Năng		42/60	22/30	Đạt	TUPH (5)	55,5		55,5	Không trúng tuyển
260	Trần Thị Xoan	CV385		16/9/1988	Kinh	Về Trợ giúp pháp lý và hòa giải ở cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Năng		36/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (5)	75,0		75,0	Trúng tuyển
261	Hồ Thị Hằng	CV083		06/12/1987	Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Ana		42/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	75,0		75,0	Trúng tuyển
262	Y Nôn Ktla	CV135	20/7/1990		Ê đê	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Ana	DTTS	38/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	51,0	5,0	56,0	Không trúng tuyển
263	H' Oan Niê	CV204		22/4/1993	Ê đê	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Ana	DTTS	33/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	41,0	5,0	46,0	Không trúng tuyển
264	Đoàn Kinh Quốc	CV255	16/7/1991		Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Ana		44/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	62,0		62,0	Không trúng tuyển
265	Phạm Văn Dũng	CV048	22/9/1996		Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Bông		30/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
266	Hoàng Văn Lâm	CV147	16/3/1999		Kinh	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Bông	CTB	31/60	21/30	Đạt	TUPH (1)	76,0	5,0	81,0	Trúng tuyển
267	H Giao Liêng	CV154		01/11/2000	M'Nông	Hành chính tư pháp	Luật	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Bông	DTTS	31/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (1)	55,0	5,0	60,0	Không trúng tuyển
268	Kiều Thị Kim Ngân	CV220		29/8/2000	Kinh	Hành chính tư pháp	Luật kinh tế	Phòng Tư pháp	UBND huyện Krông Pắc		35/60	18/30	Đạt	TUPH (1)	56,0		56,0	Trúng tuyển
269	Nguyễn Thị Thúy Hiền	CV090		26/03/1996	Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp		44/60	17/30	Đạt	TUPH (3)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
270	Trần Minh Hiếu	CV098	02/12/1999		Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật	Sở Tư pháp		37/60	19/30	Đạt	TUPH (3)	41,0		41,0	Không trúng tuyển

STT	Họ và tên		Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Điểm tương ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
				Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
271	Nguyễn Thị Lê	Khanh	CV138		13/02/1997	Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Sở Tư pháp		36/60	18/30	Đạt	TUPH (3)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
272	Trình Thị	Lan	CV146		19/02/1997	Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Sở Tư pháp		43/60	19/30	Đạt	TUPH (3)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
273	Tạ Quốc	Trọng	CV353	04/01/1995		Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Sở Tư pháp		37/60	17/30	Đạt	TUPH (3)	51,0		51,0	Không trúng tuyển
274	Tô Phương	Uyên	CV363		21/03/1999	Kinh	Quản lý xử lý vi phạm hành chính	Luật	Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật		Sở Tư pháp		33/60	24/30	Đạt	TUPH (3)	65,0		65,0	Trúng tuyển
275	Y Biển	Ê Ban	CV066	01/12/1994		Ê đê	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật	Phòng Tư pháp		UBND huyện Ea Kar	DTTS	31/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (4)	80,0	5,0	85,0	Trúng tuyển
276	H Nhi	Niê	CV203		16/6/2000	Ê đê	Phổ biến và theo dõi thi hành pháp luật	Luật	Phòng Tư pháp		UBND huyện Ea Kar	DTTS	36/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (4)	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
277	H Lyon	Bkrông	CV024		02/3/1993	M'Nông	Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp		UBND huyện Lắk	DTTS	46/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (5)	80,0	5,0	85,0	Trúng tuyển
278	Ninh Thị Hồng	Mến	CV178		15/8/1997	Kinh	Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp		UBND huyện Lắk		39/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (5)	80,0		80,0	Không trúng tuyển
279	Trần Thị Thủy	Tiến	CV276		19/12/1996	Kinh	Trợ giúp pháp lý và hòa giải cơ sở	Luật	Phòng Tư pháp		UBND huyện Lắk		35/60	Miễn thi	Đạt	TUPH (5)	59,0		59,0	Không trúng tuyển
280	Nguyễn Thị Nhật	Huy	CV117		14/7/1999	Kinh	Cải cách hành chính	Luật Kinh tế	Phòng Nội vụ		UBND huyện M'Drăk		44/60	29/30	Đạt	NOVU (2)	75,0		75,0	Trúng tuyển
281	Đỗ Mạnh	Tuấn	CV288	01/12/1997		Kinh	Cải cách hành chính	Luật Kinh tế	Phòng Nội vụ		UBND huyện M'Drăk		47/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	50,5		50,5	Không trúng tuyển
282	Trần Thị Ngọc	Mai	CV177		22/8/2000	Kinh	Quản lý công tác tôn giáo	Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện M'Drăk		44/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (3)	71,0		71,0	Trúng tuyển
283	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	CV274		10/9/1998	Kinh	Quản lý công tác tôn giáo	Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện M'Drăk		39/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (3)	55,5		55,5	Không trúng tuyển
284	Trà Thị Thu	Sang	CV264		11/5/1997	Kinh	Quản lý địa giới hành chính	Quản lý đất đai	Phòng Xây dựng chính quyền và công tác thanh niên		Sở Nội vụ		32/60	18/30	Đạt	NOVU (4)	56,0		56,0	Trúng tuyển
285	Nguyễn Thị	Huyền	CV121		20/4/1995	Kinh	Quản lý Tổ chức - Biên chế và Hội	Quản lý nhân lực	Phòng Nội vụ		UBND thị xã Buôn Hồ		31/60	23/30	Đạt	NOVU (5)	65,0		65,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả	
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm lĩnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)		(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
286	Trần Hoàn Thiện	CV323	20/6/1991		Kinh	Quản lý lao động, việc làm, dạy nghề	Bảo hộ lao động	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện Krông Ana		44/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (2)	76,5		76,5	Trúng tuyển
287	Đinh Thế Kiên	CV131	26/12/1996		Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	Luật kinh tế	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện Krông Năng		36/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
288	Hoàng Thùy Trang	CV345		27/9/1999	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	Luật kinh tế	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện Krông Năng		34/60	22/30	Đạt	LĐXH (3)	60,0		60,0	Trúng tuyển
289	Nông Thị Thu Uyên	CV361		18/12/1996	Tày	Tiền lương và Bảo hiểm	Luật kinh tế	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện Krông Năng	DTTS	44/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	40,5	5,0	45,5	Không trúng tuyển
290	Phan Thị Huyền	CV122		22/12/1995	Kinh	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Giới và Phát triển; Quản lý nhà nước	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện M'Drắk		36/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (4)	40,5		40,5	Không trúng tuyển
291	H Hiền	CV133		12/11/1998	Ê đê	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Giới và Phát triển; Quản lý nhà nước	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện M'Drắk	DTTS	39/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (4)	66,0	5,0	71,0	Không trúng tuyển
292	Triệu Thị Ánh Loan	CV163		16/01/1998	Nùng	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Giới và Phát triển; Quản lý nhà nước	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện M'Drắk	DTTS	40/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (4)	66,0	5,0	71,0	Không trúng tuyển
293	Phạm Đỗ Anh Thơ	CV331		27/11/1999	Kinh	Theo dõi bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững	Giới và Phát triển; Quản lý nhà nước	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội		UBND huyện M'Drắk		41/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (4)	74,0		74,0	Trúng tuyển
294	Nguyễn Thị Hương Giang	CV070		27/11/1997	Kinh	Kiểm soát văn bản thủ tục hành chính	Luật	Phòng Tư pháp		UBND thành phố Buôn Ma Thuột		50/60	Miễn thi	Đạt	KSTT	Bỏ thi		Bỏ thi	Không trúng tuyển
295	H Nụm	CV128		21/7/1992	Ê đê	Kiểm soát văn bản thủ tục hành chính	Luật	Phòng Tư pháp		UBND thành phố Buôn Ma Thuột	DTTS	30/60	Miễn thi	Đạt	KSTT	30,5	5,0	35,5	Không trúng tuyển
296	Vũ Thị Thảo Uyên	CV364		17/10/1999	Kinh	Kiểm soát văn bản thủ tục hành chính	Luật	Phòng Tư pháp		UBND thành phố Buôn Ma Thuột		39/60	26/30	Đạt	KSTT	60,5		60,5	Trúng tuyển
297	H Linh Đa	CV127		14/5/1998	Ê đê	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
298	Nguyễn Thị Lê	CV153		31/5/1996	Kinh	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin		36/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
299	Đào Ngọc Linh	CV155		19/9/1997	Kinh	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin		31/60	23/30	Đạt	NOVU (2)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
300	Y Phong	CV185	15/4/1999		Ê đê	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin	DTTS	39/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	76,5	5,0	81,5	Không trúng tuyển
301	Vũ Thị Phương Thảo	CV310		27/6/1993	Kinh	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin		36/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
302	Nguyễn Trần Trung	CV355	12/3/1998		Kinh	Cải cách hành chính	Hành chính; Quản lý nhà nước; Luật	Phòng Nội vụ		UBND huyện Cư Kuin		39/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (2)	86,0		86,0	Trúng tuyển

STT	Họ và tên	Số báo danh	Ngày tháng năm sinh		Dân tộc	Vị trí đăng ký dự tuyển				Đối tượng ưu tiên	Kết quả Vòng 1			Kết quả Vòng 2				Kết quả
			Nam	Nữ		Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn	Cơ quan, đơn vị			Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Kết quả	Mã nhóm Bnh vực	Điểm Vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
303	Lãnh Ngọc Chiên	CV038	10/01/1987		Tày	Quản lý công tác tôn giáo	Quản trị nhân lực	Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Năng	DTTS	39/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (3)	75,0	5,0	80,0	Không trúng tuyển
304	Nguyễn Thị Thảo	CV306		20/7/1991	Kinh	Quản lý công tác tôn giáo	Quản trị nhân lực	Phòng Nội vụ	UBND huyện Krông Năng		54/60	Miễn thi	Đạt	NOVU (3)	80,0		80,0	Trúng tuyển
305	H Beo Adrong	CV002		30/11/1984	Ê đê	Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Công tác xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Cư Kuin	CTB, DTTS	34/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (1)	50,0	5,0	55,0	Không trúng tuyển
306	Lê Danh	CV041	14/7/1991		Kinh	Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Công tác xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Cư Kuin		33/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (1)	80,0		80,0	Trúng tuyển
307	Y Yên Dững	CV043	30/11/1992		Ê đê	Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Công tác xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Cư Kuin	DTTS	32/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (1)	30,0	5,0	35,0	Không trúng tuyển
308	Cù Thi Thu Huyền	CV119		07/8/1983	Kinh	Công tác Bảo vệ và chăm sóc trẻ em	Công tác xã hội	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Cư Kuin	CTB	30/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (1)	Bỏ thi	5,0	Bỏ thi	Không trúng tuyển
309	Uông Phạm Nhật Hùng	CV114	17/9/1995		Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Lắk		41/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
310	Huỳnh Thụy Thanh Thương	CV340		24/12/1994	Kinh	Tiền lương và Bảo hiểm	Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Lắk		36/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
311	Vũ Mạnh Trung	CV358	08/3/1989		Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Lắk		35/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	50,0		50,0	Không trúng tuyển
312	Phạm Thị Lệ Văn	CV368		20/4/1975	Kinh	Tiền lương và bảo hiểm	Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Lắk		31/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	55,0		55,0	Trúng tuyển
313	Hoàng Yên	CV387		02/5/1992	Kinh	Tiền lương và Bảo hiểm	Kế toán	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND huyện Lắk		37/60	Miễn thi	Đạt	LĐXH (3)	30,0		30,0	Không trúng tuyển
TỔNG CỘNG 313 THÍ SINH																		

TỔNG CỘNG 313 THÍ SINH